

Số: 157/QĐ-GDDT
Thời gian ký: 2025-02-28 17:58:39+07:00

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2025-2026

MÔN: NGỮ VĂN (chung)

(Kèm theo Quyết định số: 1/QĐ-SGDĐT ngày 10/2/2025 của Sở GDĐT)

A. CẤU TRÚC

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

- Văn bản đọc hiểu được lựa chọn là một trong hai loại văn bản (hoặc đoạn trích): văn bản văn học (thơ hiện đại hoặc truyện ngắn), văn bản nghị luận.
- Số lượng câu hỏi: 05 câu (câu hỏi đọc hiểu các loại văn bản được xác định theo ba mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu và vận dụng).

Phần II. Viết (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ). Chọn một trong hai dạng sau:

- Viết đoạn văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.
- Viết đoạn văn nghị luận văn học về thơ hiện đại hoặc truyện ngắn.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận. Chọn một trong hai dạng sau:

- Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.
- Viết bài văn nghị luận văn học về thơ hiện đại hoặc truyện ngắn.

B. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI CHƯƠNG TRÌNH THI

1. Nội dung

Cần làm rõ được:

- a) Mục tiêu của kì thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.
- b) Phạm vi nội dung cần đánh giá.
- c) Yêu cầu cần đạt (đọc hiểu và viết).
- d) Về ngữ liệu (dùng cho cả phần Đọc hiểu và Viết) phải đảm bảo các yêu cầu

sau:

- Chủ yếu theo các thể loại và kiểu văn bản trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn cấp THCS.

- Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa (cả 03 bộ sách); có xuất xứ đầy đủ, chính xác, thông tin rõ ràng, có nguồn dẫn đáng tin cậy và có thể kiểm tra được; nội dung tư tưởng lành mạnh, có giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ tương đương với các văn bản cùng

gs

loại đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS (tránh sử dụng những văn bản có vấn đề nhạy cảm hoặc còn có nhiều tranh cãi).

- Chứa đựng các tri thức ngữ văn cần đánh giá; những thông tin đủ để giúp học sinh khai thác, sử dụng, phục vụ cho việc trả lời câu hỏi một cách khách quan, công bằng.

- Có độ dài phù hợp với thời gian quy định của kì thi; dung lượng của văn bản (đoạn trích) vừa phải, khoảng 1000 chữ.

- Có cách diễn đạt (dùng từ, đặt câu) phù hợp với trình độ của học sinh và mang tính chuẩn mực, trong sáng.

- Có chủ đề phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi và trình độ của học sinh, tạo điều kiện để đánh giá phẩm chất của học sinh.

- Phần chú thích của ngữ liệu trong đề thi (nếu có): giới thiệu ngắn gọn về tác giả, sự nghiệp, phong cách; chú thích những từ ngữ khó... Nếu đoạn trích trích dẫn từ tác phẩm dài, cần tóm tắt ngắn gọn giúp học sinh hiểu bối cảnh trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

2. Phạm vi chương trình thi

- Phạm vi đề thi trong Chương trình Ngữ văn THCS theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chủ yếu là lớp 9. Đề thi đánh giá năng lực học sinh thông qua đọc hiểu văn bản và viết đoạn văn, bài văn nghị luận.

- Kiến thức, kĩ năng tiếng Việt có thể đánh giá ở một hoặc một số câu của phần Đọc hiểu, chủ yếu được lồng trong bài viết của học sinh.

- Phần Viết: Đoạn văn nghị luận, bài văn nghị luận.

C. PHÂN BỐ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC

TT	Thành phần năng lực	Chủ đề, mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức			Tổng
				Biết	Hiểu	Vận dụng	
I	Năng lực Đọc (chọn một trong hai loại văn bản)	- Văn bản văn học - Văn bản nghị luận	5	2 câu = 15%	2 câu = 15%	1 câu = 10%	40%
II	Năng lực Viết	Đoạn văn nghị luận	1	5%	10%	5%	20%
		Bài văn nghị luận	1	10%	10%	20%	40%
Tổng			7	30%	35%	35%	100%
				65%		35%	

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

BÀ CHO

Vũ Tú Nam*

Không nhớ tôi được gặp bà tôi lần đầu tiên vào bao giờ, chỉ biết lớn lên là tôi đã có bà tôi rồi. Bà đây là bà nội sinh ra bố tôi, chứ bà ngoại thì đã mất từ hồi mẹ tôi còn bé.

Bà nội ở với bác Mai tôi. Bà tôi bận lắm, cặm cùi công việc suốt ngày. Nhưng chả lần nào đi chợ mà bà không tạt vào thăm hai anh em tôi, cho chúng tôi khi thì tấm bánh đa, quả thị, khi thì củ sắn luộc hoặc mỡ tào. Ăn quà của bà rất thích, nhưng ngôi vào lòng bà nghe bà kể chuyện còn thích hơn nhiều. Bà tôi đến tận bây giờ vẫn chưa biết chữ đâu, các bạn ạ. Thế mà bà kể chuyện Tấm Cám, chuyện Thạch Sanh, so với sách chả sai tí nào. Anh tôi hỏi bà: “Bà ơi, hồi bé sao bà không chịu đi học?” Bà cười, xoa đầu anh tôi: “Đã có bác mày, bố mày học hộ cho bà rồi”.

Ông nội tôi mất sớm. Một mình bà nuôi hai con trai là bác tôi và bố tôi. Lớn lên, hai người đều đi bộ đội cả. Bác Mai tôi thật hiền và ít nói lắm. Thế nhưng bác đã nói với các cháu một điều “bí mật”: tên bà nội là Mơ, Trần Thị Mơ. Thế mà ngày trước tôi tưởng tên bà là Bà!

Từ ngày biết tên thật của bà nội, chúng tôi càng quý bà hơn, chắc chắn ngày xưa bà cũng bé như chúng tôi. Người ta gọi bà là “chị Mơ, cô Mơ”... Có điều bà không được đi học, mà phải đi ở, chăn trâu cắt cỏ khó nhọc lắm. Sau khi ông nội mất, làng bị Pháp chiếm, bà tôi chạy tản cư, tay dắt bác Mai tôi khi ấy mới lên bảy, vai bà gánh một gánh quần áo rách và đồ đạc, nôi niêu, có cả bố tôi mới biết đi ngòi thu lu trong cái thúng. Chuyện này mỗi lần kể lại, bố tôi vừa cười vừa rom róm nước mắt thương bà.

Thế rồi bà có được nghỉ đâu. Ngày Mỹ ném bom, bà lại phải đưa chúng tôi đi sơ tán, xa tít ở mãi gần chùa Mộc. Những đêm B.52, chả đêm nào bà ngủ.

Gần đây thì bà đỡ vất vả rồi, nhưng bà không được khỏe như xưa nữa. Đã hai năm nay, bà đau chân chỉ quanh quẩn ở nhà. Bà không đi chợ được, cũng không đến chơi với các cháu được. Thế nhưng lần nào chúng tôi đến thăm bà, bà cũng vẫn có quà cho chúng tôi: khi thì mấy củ dong riềng, khi thì cây mía, quả na, hoặc mấy khúc sắn dây, toàn những thứ tự tay bà trồng ra.

Cách đây bốn tháng, bà tôi bị ngã nằm liệt giường. Bác tôi phải bón cơm, bón cháo cho bà như bón cho em bé. Mẹ tôi dẫn chúng tôi đến thăm bà luôn. Lần nào thấy chúng tôi bà cũng tìm tìm cười - bà ốm, mà tôi không thấy bà kêu rên bao giờ cả.

Nhức nhức được là bà tôi gượng dậy, lết xuống đất, ngòi xôm nhích từng bước một quét nhà, quét sân.

Chiều qua, đi học về, tôi chạy đến thăm bà, đưa biếu bà chiếc bánh giò mà dì Thuận tôi mới cho tôi ban trưa. Bà ngồi dậy, cười cười, rồi tay bà run run, bà mở cái nài của bà, đưa cho tôi một gói quà đặc biệt: ô mai sấu!

Bà ơi bà! Ô mai sấu bà cho, cháu sẽ chia cho bố cháu, mẹ cháu và anh cháu ... Cháu biết rồi, bà ơi ... Cứ sáng sớm, sau mỗi đêm mưa gió to, bà lại lần ra sân, bà nhặt những quả sấu rụng ở quanh gốc cây sấu bà trồng từ thời con gái. Rồi bà rửa, bà ngâm muối, bà phơi. Bà gói thành từng gói nhỏ, bà đợi các cháu đến, bà cho ...

Bà ơi, sấu bà muối hơi mặn một tí, nhưng ngon lắm bà ạ! Cháu ăn sấu bà cho, cháu cứ ứa nước mắt ra. Không phải tại sấu chua đâu, mà tại vì cháu yêu bà lắm! Sau này lớn lên, cháu biết lấy gì đền đáp lại tấm lòng thương cháu của bà?...

(Trích *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, Vũ Tú Nam, NXB Kim Đồng, 2013, tr. 244-246)

*** Chú thích:**

Vũ Tú Nam (1929-2020), quê tại thôn Lương Kiệt, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, là một nhà văn Việt Nam. Ông là một trong những nhà văn được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học và nghệ thuật năm 2001. Nhà văn Vũ Tú Nam có cách viết rất nhẹ nhàng, đơn giản, rất phù hợp với tâm lí của trẻ em. Ông đã nhóm lên ngọn lửa của tinh thần nhân văn trong những câu chuyện giản dị, đầy ắp tình người. Những bài học cuộc sống được lồng ghép khéo léo trong các câu chuyện khiến cho những thông điệp mà tác giả gửi gắm tới người đọc không hề khô khan.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,75 điểm). Xác định ngôi kể của văn bản trên.

Câu 2 (0,75 điểm). Theo văn bản, nhân vật “tôi” thích nhất điều gì ở người bà?

Câu 3 (0,75 điểm). Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong câu văn in đậm.

Câu 4 (0,75 điểm). Chi tiết bà nhặt sấu sau mỗi đêm mưa và chuẩn bị ô mai sấu cho các cháu gọi cho anh/chị suy nghĩ gì?

Câu 5 (1,0 điểm). Từ hình ảnh người bà, anh/chị sẽ làm gì để thể hiện lòng biết ơn đối với ông bà của mình?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nhân vật “tôi” trong văn bản ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận bàn về giải pháp xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM
(Đáp án, biểu điểm gồm có 02 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		4,0
	1	Ngôi kể: Ngôi thứ nhất.	0,75
	2	Theo văn bản, nhân vật “tôi” thích nhất ở người bà là: <i>Ăn quà của bà rất thích, nhưng ngồi vào lòng bà nghe bà kể chuyện còn thích hơn nhiều.</i>	0,75
	3	Tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê: - Nhấn mạnh sự quan tâm, săn sóc mà bà đã dành cho cháu. Tuy mộc mạc giản dị, nhưng tràn đầy tình yêu thương của bà. - Tăng tính cụ thể, chân thật, sinh động cho câu chuyện	0,75
	4	Chi tiết bà nhật sáu sau mỗi đêm mưa và chuẩn bị ô mai sáu cho các cháu gợi suy nghĩ: - Về tình yêu thương sâu sắc và sự hy sinh thầm lặng của bà dành cho các cháu. - Về giá trị thiêng liêng của tình cảm gia đình; lòng biết ơn sâu sắc dành cho ông bà, cha mẹ đã hy sinh cả cuộc đời vì con cháu.	0,75
	5	Thí sinh có thể trình bày các đáp án khác nhau để thể hiện lòng biết ơn đối với ông bà của mình: <i>Quan tâm, chăm sóc, dành nhiều thời gian hơn cho ông bà; Sẽ cố gắng học tập, sống tốt để ông bà vui lòng và tự hào...</i> Giáo viên linh hoạt để cho điểm.	1,0
II	VIẾT		6,0
	1	Viết đoạn văn (<i>khoảng 200 chữ</i>) phân tích nhân vật “tôi” trong văn bản ở phần Đọc hiểu	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức và dung lượng đoạn văn Đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Phân tích, đánh giá nhân vật “tôi” trong văn bản Bà cho.	0,25
		c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu Thí sinh lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Nêu khái quát về nhân vật “tôi”. - Tình yêu thương, lòng hiếu thảo, sự gắn bó với bà; biết ơn và trân trọng bà. - Tình cảm đối với những người thân trong gia đình.	1,0
	d. Diễn đạt	0,25	

	Đảm bảo đúng chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	
	<i>e. Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận bàn về giải pháp xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình	4,0
	<i>a. Đảm bảo bố cục của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục của bài văn nghị luận gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Bàn về giải pháp xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được các ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng sau: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: - Giải thích vấn đề nghị luận: Xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương trong gia đình là quá trình tạo dựng sự gắn gũi, thấu hiểu và chia sẻ giữa các thành viên trong gia đình với nhau... - Thực trạng: Trong xã hội hiện nay, các thành viên gia đình ít có thời gian dành cho nhau, sự xa cách về mặt tình cảm ngày càng tăng; công việc bận rộn; áp lực học tập; sự phát triển của công nghệ khiến các thành viên trong gia đình ít có cơ hội giao tiếp, chia sẻ và thấu hiểu lẫn nhau... - Nguyên nhân: Sự thay đổi về lối sống, sự tác động của môi trường xã hội và đặc biệt là sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng mối quan hệ gia đình. - Hậu quả: Các thành viên trong gia đình, nhất là người già và trẻ em cảm thấy cô đơn, thiếu sự hỗ trợ và chia sẻ, dễ rơi vào trạng thái căng thẳng, stress... - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. - Đề xuất những giải pháp: + Dành thời gian trò chuyện, tâm sự với ông bà, cha mẹ, anh chị em và lắng nghe những chia sẻ, tâm tư của mọi người; tổ chức các buổi họp mặt gia đình, đi du lịch cùng nhau, sử dụng các ứng dụng trò chuyện trực tuyến (nếu các thành viên ở xa)... + Nói lời yêu thương với ông bà, cha mẹ, anh chị em; giúp đỡ mọi người trong công việc; chia sẻ những khoảnh khắc vui vẻ, hạnh phúc bên gia đình ... * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận. <i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	2,5
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo đúng chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0,5
Tổng điểm = I+II		10,0